

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /2022/QĐ-UBND Hà Tĩnh, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, cấp phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Luật Viễn thông ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 25/2011/NĐ-CP ngày 06/4/2011 về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Viễn thông; số 72/2012/NĐ-CP ngày 24/9/2012 về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; Thông tư số 07/2020/TT-BTTTT ngày 13/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về quy định về kiểm định thiết bị viễn thông, đài vô tuyến điện; Thông tư số 16/2020/TT-BTTTT ngày 17/7/2020 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông về ban hành “Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chống sét cho các trạm viễn thông và mạng cáp ngoại vi viễn thông”;

Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Văn bản số 20/TTr-STTTT ngày 20/5/2022 và Văn bản số 669/STTTT-BCVT ngày 02/6/2022; thẩm định của Sở Tư pháp tại Văn bản số 134/BC-STP ngày 11/5/2022 và Văn bản số XDKT&TDTHPL ngày 30/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, cấp phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 22/7/2022.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, thị xã; Giám đốc các doanh nghiệp viễn thông và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP Trần Tuấn Nghĩa;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- Lưu: VT, VX₁.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Châu

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Quản lý, cấp phép xây dựng trạm thu, phát sóng thông tin di động trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

*(Kèm theo Quyết định số /2022/QĐ-UBND ngày /7/2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)*

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này điều chỉnh việc quản lý, cấp phép xây dựng, lắp đặt và hoạt động của công trình trạm thu, phát sóng thông tin di động (sau đây viết tắt là trạm BTS) bao gồm: Nhà trạm và cột ăng ten; thiết bị và ăng ten thu, phát sóng vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhà nước, các doanh nghiệp viễn thông, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc xây dựng, lắp đặt, quản lý, khai thác sử dụng công trình trạm BTS trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trạm BTS gồm có trạm viễn thông, hệ thống truyền dẫn và cột ăng ten.
2. Trạm viễn thông là nhà hoặc công trình xây dựng tương tự khác được sử dụng để lắp đặt thiết bị mạng.
3. Hệ thống truyền dẫn là hệ thống cáp viễn thông hoặc Viba được nối đến trạm BTS để liên kết với hệ thống chung của các nhà mạng.
4. Cột ăng ten là cột được xây dựng để lắp đặt ăng ten thu, phát sóng vô tuyến điện (không bao gồm ăng ten máy thu thanh, thu hình của các hộ gia đình).
5. Cột đa năng thân thiện môi trường: là cột ăng ten tự đứng, kết cấu dạng trụ với thiết kế thân thiện môi trường, phù hợp với cảnh quan (dạng cây dừa, hoa sen...) có thể kết hợp đèn chiếu sáng, bảng biển tuyên truyền, camera giám sát và lắp đặt thiết bị viễn thông.

Điều 4. Nguyên tắc quản lý hoạt động trạm BTS

1. Việc cấp phép xây dựng trạm BTS phải phù hợp với quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị và phát triển kinh tế - xã hội, đúng với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và đảm bảo an toàn, mỹ quan đô thị.

2. Ưu tiên và tạo điều kiện trong việc xây dựng hạ tầng dùng chung các trạm BTS.

3. Ưu tiên phát triển, xây dựng trạm BTS tại các khu vực hiện tại chưa có sóng di động hoặc có sóng nhưng chất lượng chưa đảm bảo.

4. Khuyến khích việc xây dựng trạm BTS theo hướng sử dụng Cột đa năng thân thiện môi trường, kết hợp đèn chiếu sáng, bảng biển tuyên truyền, camera giám sát, đảm bảo mỹ quan; cột tự đứng kiên cố. Khuyến khích sử dụng hạ tầng của các tòa nhà cao tầng để làm cột dạng nhỏ gọn tăng vùng phủ trong khu vực, giảm số lượng cột. Hạn chế tối đa việc phát triển cột ăng ten dây néo trong khu vực đô thị, đặc biệt là tại thành phố Hà Tĩnh, thị xã Kỳ Anh và thị xã Hồng Lĩnh.

Điều 5. Quy định sử dụng chung cơ sở hạ tầng trạm BTS

1. Đối với các vị trí dự kiến phát triển trạm BTS, nếu trong khu vực bán kính phủ sóng (kiểm tra, đo kiểm theo thực tế) có thể đảm bảo chất lượng mạng lưới mà đã có hạ tầng của đơn vị khác thì xem xét việc dùng chung hạ tầng (nếu cột ăng ten đảm bảo các điều kiện) để tiết kiệm chi phí đầu tư, đảm bảo mỹ quan.

2. Các đơn vị chủ sở hữu hạ tầng có sẵn cho phép sử dụng chung nếu hạ tầng đảm bảo và việc sử dụng chung không làm ảnh hưởng đến quản lý sử dụng hạ tầng có sẵn. Chủ đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật có trách nhiệm quy hoạch, thiết kế, đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo đảm việc sử dụng chung để lắp đặt cáp và thiết bị viễn thông phù hợp với quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động của tỉnh đã được phê duyệt.

3. Xây dựng trạm BTS kết hợp đèn chiếu sáng, bảng biển tuyên truyền, camera giám sát và lắp đặt thiết bị viễn thông tại các vị trí công cộng (công viên, tiểu công viên, vỉa hè, giải phân cách...) không được làm ảnh hưởng đến các công trình hạ tầng trong khu vực.

Điều 6. Quy định cấp công trình xây dựng trạm BTS

Cấp công trình trạm BTS thực hiện theo quy định tại Phụ lục II của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ CẤP PHÉP XÂY DỰNG TRẠM BTS

Điều 7. Một số yêu cầu khi cấp phép xây dựng trạm BTS

1. Yêu cầu chung

Việc cấp phép xây dựng để phát triển trạm BTS của nhà mạng phải phù hợp Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động của tỉnh.

Đối với các trạm xây dựng mới yêu cầu thiết kế, đầu tư, xây dựng hạ tầng kỹ thuật bảo đảm việc sử dụng chung để lắp đặt cáp và thiết bị viễn thông cho các đơn vị khác.

Trước khi tiến hành các thủ tục để xây dựng mới trạm BTS thì doanh nghiệp chủ quản gửi vị trí dự kiến xây dựng đến Sở Thông tin và Truyền thông để xác định việc dùng chung hạ tầng và sự phù hợp với quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động hoặc về hướng tuyến. Sau khi Sở Thông tin và

Truyền thông có văn bản xác định phù hợp quy hoạch, chủ đầu tư tiến hành các thủ tục tiếp theo về cấp phép xây dựng.

Khi hết thời hạn tồn tại của công trình ghi trong giấy phép xây dựng có thời hạn và cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất, chủ đầu tư cam kết tự phá dỡ công trình, nếu không tự phá dỡ thì bị cưỡng chế và chịu mọi chi phí cho việc phá dỡ. Trường hợp quá thời hạn này mà quy hoạch xây dựng chưa thực hiện được, chủ đầu tư được tiếp tục sử dụng công trình cho đến khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền có quyết định thu hồi đất. Việc hỗ trợ khi phá dỡ được thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

Đối với các trạm BTS đặt tại các vị trí gần đất Quốc phòng hoặc đất Quy hoạch cho nhiệm vụ quốc phòng, Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì cùng các đơn vị liên quan phối hợp Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tiến hành rà soát đảm bảo tuân thủ nghiêm các quy định liên quan về Quốc phòng An ninh trước khi tiến hành cấp phép.

2. Các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng

Thực hiện theo Điều 3, Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08/5/2017 của Chính phủ quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng.

Điều 8. Công trình xây dựng trạm BTS được miễn giấy phép xây dựng

Các trường hợp miễn giấy phép xây dựng theo Điều 49, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 9. Thủ tục cấp giấy phép xây dựng trạm BTS

Các vị trí dự kiến xây dựng trạm BTS sau khi được Sở Thông tin và Truyền thông xác định bằng văn bản về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc về hướng tuyến, phù hợp với cơ sở hạ tầng của các đơn vị khác trong khu vực (liên quan dùng chung cơ sở hạ tầng), chủ đầu tư hoàn thiện hồ sơ tiến hành làm thủ tục cấp phép xây dựng (trừ trường hợp được miễn cấp phép xây dựng). Hồ sơ cấp phép xây dựng thực hiện theo khoản 2 Điều 43 Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

Điều 10. Thẩm quyền cấp, điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng

Cấp giấy phép xây dựng đối với công trình thuộc đối tượng có yêu cầu phải cấp giấy phép xây dựng trên địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

1. UBND tỉnh cấp phép đối với công trình đặc biệt.
2. Sở Xây dựng cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp cấp I, cấp II, trừ công trình quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình tại khu kinh tế, khu công nghiệp thuộc thẩm quyền của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư; các khu vực Quy hoạch thuộc Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quản lý, trừ công trình quy định tại khoản 1 Điều này.

Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh có trách nhiệm sao gửi Giấy phép xây dựng cho Sở Xây dựng, Sở Thông tin và Truyền thông và UBND cấp huyện nơi có dự án để phục vụ công tác quản lý trật tự xây dựng tại địa phương.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV trên địa bàn do mình quản lý, trừ công trình quy định tại khoản 3 Điều này.

5. Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng là cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, gia hạn, cấp lại và thu hồi giấy phép xây dựng do mình cấp.

6. Trường hợp cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng không đủ thẩm quyền thu hồi giấy phép xây dựng đã cấp đối với các công trình thực hiện không đúng quy định thì Ủy ban nhân dân tỉnh trực tiếp quyết định thu hồi giấy phép xây dựng.

Điều 11. Quy trình cấp giấy phép xây dựng

1. Quy trình cấp giấy phép xây dựng thực hiện theo cơ chế “một cửa liên thông” và theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 102 của Luật Xây dựng được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 36 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020. Địa điểm nộp hồ sơ:

a) Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của UBND tỉnh, của Sở Xây dựng: Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

b) Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh: Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh hoặc Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh.

c) Đối với trường hợp thuộc thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng của UBND cấp huyện: Chủ đầu tư nộp hồ sơ tại Trung tâm Hành chính công cấp huyện.

2. Thời gian cấp giấy phép xây dựng: theo khoản 36 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Sở Thông tin và Truyền thông

1. Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra việc chấp hành quy định pháp luật về phát triển trạm BTS. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến cho các tổ chức, cá nhân có liên quan hiểu rõ mục đích, yêu cầu của việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS.

2. Xác định sự phù hợp với Quy hoạch viễn thông thụ động hoặc hướng tuyến đối với các vị trí do các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng hạ tầng viễn thông đề xuất.

3. Hướng dẫn việc dùng chung cơ sở hạ tầng nhà trạm và cột ăng ten cho các đơn vị nhằm giảm số lượng vị trí phải xây dựng; chuyển đổi, thay thế dần các cột ăng ten công kênh dây néo sang cột ăng ten tự đứng, thân thiện.

4. Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông tăng cường xây dựng cột ăng ten thân thiện môi trường kết hợp đèn chiếu sáng, bảng biển tuyên truyền, camera giám sát và lắp đặt thiết bị viễn thông tại vị trí công cộng (công viên, tiểu công viên, vỉa hè, giải phân cách...) đảm bảo không ảnh hưởng đến hệ thống ngầm trong khu vực. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan để trong quá trình xây dựng mới các khu đô thị, các tuyến đường kết hợp xây dựng hạ tầng viễn thông đảm bảo mỹ quan.

5. Phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan hướng dẫn các tổ chức, cá nhân về cấp giấy phép xây dựng đối với các công trình trạm BTS trên địa bàn tỉnh.

6. Có giải pháp khuyến khích các tổ chức, cá nhân phát triển hạ tầng trạm BTS dùng chung cho các doanh nghiệp viễn thông để tiết kiệm chi phí đầu tư.

Điều 13. Sở Xây dựng

1. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh ban hành quyết định đầu tư xây dựng theo lệnh khẩn cấp đối với các trạm BTS phục vụ thông tin liên lạc trong phòng, chống thiên tai, quốc phòng, an ninh theo quy định tại Điều 58, Nghị định số 15/2021/NĐ-CP ngày 03/3/2021 của Chính phủ về quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng.

2. Thực hiện công tác quản lý cấp phép xây dựng; trật tự xây dựng đối với các công trình xây dựng, lắp đặt trạm BTS theo phân cấp.

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá an toàn công trình theo quy định.

Điều 14. Sở Tài nguyên và Môi trường

1. Tổ chức thẩm định quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất do UBND cấp huyện đề xuất đối với các công trình, dự án sử dụng vào mục đích “đất công trình bưu chính, viễn thông” trình UBND tỉnh phê duyệt; tổng hợp đề xuất của UBND cấp huyện, tham mưu UBND tỉnh, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua danh mục công trình, dự án sử dụng vào mục đích “đất công trình bưu chính, viễn thông” mà cần phải thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng theo thẩm quyền.

2. Thẩm định hồ sơ cho thuê đất, thu hồi đất trước khi doanh nghiệp viễn thông triển khai xây dựng các trạm BTS. Khi có lệnh khẩn cấp để cho doanh nghiệp khởi công các trạm BTS thì thực hiện nội dung theo lệnh của cấp có thẩm quyền.

3. Phối hợp thực hiện kiểm tra, xử lý việc xây dựng, lắp đặt trạm BTS trên địa bàn tỉnh (khi có dấu hiệu vi phạm).

Điều 15. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông thực hiện các quy định cấp phép xây dựng trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi; chuyển đổi mục đích sử dụng rừng, trồng rừng thay thế (nếu có) trên diện tích xây dựng trạm BTS theo các quy định hiện hành.

2. Phối hợp thực hiện khảo sát, hướng dẫn quy trình, thủ tục quy hoạch sử dụng đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đối với các trạm BTS khởi công theo lệnh khẩn cấp (khi có yêu cầu).

Điều 16. Sở Giao thông vận tải

Hướng dẫn, chấp thuận xây dựng, cấp phép thi công công trình trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ, đường thủy nội địa, đường sắt cho các cơ quan, đơn vị liên quan theo quy định.

Điều 17. Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh

Cấp giấy phép xây dựng trạm BTS trong khu vực thuộc quản lý, trong các công trình do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh quyết định chủ trương đầu tư hoặc cấp giấy chứng nhận đầu tư.

Điều 18. UBND các huyện, thành phố, thị xã

1. Theo kỳ xây dựng quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất tại địa phương, tổ chức hướng dẫn các doanh nghiệp viễn thông việc quy hoạch đất cho việc phát triển hạ tầng trạm BTS trên địa bàn, đảm bảo vùng phủ sóng và chất lượng dịch vụ theo quy định.

2. Triển khai thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến các quy định liên quan đến việc xây dựng, lắp đặt, vận hành các trạm BTS; cung cấp cho Nhân dân các thông tin liên quan đến việc xây dựng trạm BTS và nâng cao ý thức chấp hành pháp luật trong Nhân dân.

3. Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng và các đơn vị liên quan giải quyết kịp thời các vướng mắc trong quá trình xây dựng, lắp đặt và hoạt động của các trạm BTS trên địa bàn mình quản lý.

4. Phòng Văn hóa - Thông tin là đầu mối tiếp nhận, giải quyết các công việc thuộc lĩnh vực Thông tin và Truyền thông, đồng thời hỗ trợ các phòng chức năng tham mưu giúp UBND huyện, thành phố, thị xã cấp giấy phép xây dựng trạm BTS.

Điều 19. Công an tỉnh

Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng thực hiện thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm đối với các tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm, ngăn cản, phá hoại việc xây dựng, lắp đặt, hoạt động các trạm BTS trên địa bàn tỉnh theo quy định.

Điều 20. Các sở, ban, ngành liên quan

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao, có trách nhiệm phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố, thị xã

hướng dẫn, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra các đơn vị, doanh nghiệp trong các hoạt động xây dựng, lắp đặt và vận hành các trạm BTS trên địa bàn.

Điều 21. UBND các xã, phường, thị trấn

1. Phối hợp với các phòng chức năng cấp huyện kiểm tra các điều kiện về xây dựng, lắp đặt trạm BTS đảm bảo theo đúng quy định pháp luật.

2. Thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách của nhà nước, các quy định của tỉnh về xây dựng trạm BTS. Đảm bảo an ninh trật tự trong quá trình xây dựng, lắp đặt và hoạt động của trạm BTS trên địa bàn.

Điều 22. Các tổ chức, cá nhân có liên quan

1. Các chủ đầu tư, quản lý và khai thác các trạm BTS có trách nhiệm:

a) Hàng năm, đăng ký kế hoạch xây dựng, phát triển trạm BTS về Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, quản lý.

b) Thực hiện đúng, đầy đủ các thủ tục có liên quan đến việc xây dựng, lắp đặt các trạm BTS theo quy định của pháp luật. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về kiểm định công trình kỹ thuật chuyên ngành viễn thông do Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành, chịu trách nhiệm trước pháp luật về những vi phạm do không thực hiện đúng theo quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

c) Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Xây dựng, UBND các huyện, thành phố, thị xã, UBND xã, phường, thị trấn và các đơn vị liên quan trong việc giải quyết các vướng mắc trong quá trình xây dựng, lắp đặt trạm BTS.

2. Các tổ chức, cá nhân tham gia thiết kế, thi công xây dựng và lắp đặt trạm BTS có trách nhiệm thực hiện Quy định này và các quy định của pháp luật khác có liên quan.

Điều 23. Điều khoản thi hành

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, phản ánh đến Sở Thông tin và Truyền thông để được hướng dẫn giải quyết; trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.